

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 09-01-2025

v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Văn Vinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:** Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2024/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thiện Á - Sinh năm: 1959. Địa chỉ: Số H đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Hồ Thị Ngọc D - Sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số B đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thiện Á trình bày:

Bà và bà Hồ Thị Ngọc D là chỗ quen biết hàng xóm với nhau. Từ năm 2020, bà D nhiều lần vay tiền của bà để làm ăn. Vào ngày 07/12/2019 (âm lịch), bà cho bà D vay số tiền 50.000.000 đồng, vài ngày sau, bà D tiếp tục vay tiếp 50.000.000 đồng, bà D có ký giấy mượn tiền và thời gian vay đến ngày 20/01/2020. Sau đó, bà D vay thêm của bà số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay là ngày 04/5/2020, bà D có viết giấy mượn tiền cho bà. Khi viết giấy mượn tiền thì không có thỏa thuận lãi.

Từ khi mượn tiền cho đến nay bà D đã trả cho bà được số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ 150.000.000 đồng. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Hồ Thị Ngọc D phải trả cho bà số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Hồ Thị Ngọc D phải trả cho bà số tiền là 150.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai đề ngày 12/12/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị Ngọc D trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Thiện Á về việc vay tiền. Đối với số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền có thời gian vay là 04/5/2020 thì bà chưa trả được. Đối với giấy mượn tiền ghi số tiền vay 50.000.000 đồng + 50.000.000 đồng thì bà đã trả, tuy nhiên do bà sơ xuất không lấy lại giấy vay tiền và hiện tại bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc đã trả được 100.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Á, thì bà thừa nhận còn nợ bà Á số tiền 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ở nhà thuê và nuôi 04 con, nên bà đề nghị bà Á tạo điều kiện cho bà trả số tiền 150.000.000 đồng mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: Số B đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc bà Hồ Thị Ngọc D thanh toán số nợ gốc 150.000.000 đồng.

[3.1] Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là bản chính giấy mượn tiền đề 07/12/2019 (âm lịch) do bà Hồ Thị Ngọc D ký tên thể hiện: Vào ngày 07/12/2019 (âm lịch), bà Hồ Thị Ngọc D có vay của bà Lê Thị Thiện Á số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là ngày 20/01/2020 (dương lịch). Sau đó, bà Hồ Thị Ngọc D vay thêm số tiền 50.000.000 đồng, nội dung này được ghi tiếp theo vào phần cuối tại mục người mượn tiền do bà Hồ Thị Ngọc D ký tên và ghi thêm nội dung “*Mượn thêm 50.000.000 đồng năm chục triệu chẵn 30-12 âm*” vào trong giấy mượn tiền đề 07/12/2019 (âm lịch).

[3.2] Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình là bản chính giấy mượn tiền không đề ngày tháng năm do bà Hồ Thị Ngọc D ký tên thể hiện: Bà Hồ Thị Ngọc D có vay của bà Lê Thị Thiện Á số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thời gian mượn là ngày 04/5/2020 (dương).

[3.3] Tại bản tự khai đề ngày 12/12/2024 bà Hồ Thị Ngọc D cũng thừa nhận về việc vay tiền của bà Lê Thị Ngọc Á1. Bà Á1 trình bày bà D đã trả số tiền 50.000.000 đồng và còn nợ 150.000.000 đồng, bà D trình bày đã trả được 100.000.000 đồng, tuy nhiên do bà D không chứng minh được đã trả số tiền vay 50.000.000 đồng sau nên bà đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà Á1. Đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX có căn cứ xác định: Hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 07/12/2019 (âm lịch) và hợp đồng vay tài sản không đề ngày tháng năm vay số tiền 100.000.000 đồng giữa bà Lê Thị Thiện Á và bà Hồ Thị Ngọc D, là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ, thuộc loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, hiện bà Hồ Thị Ngọc D còn nợ bà Lê Thị Thiện Á số tiền 150.000.000 đồng.

[3.4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay, mặc dù bà Lê Thị Thiện Á đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Hồ Thị Ngọc D vẫn không thực hiện. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Hồ Thị Ngọc D thanh toán số tiền nợ là 150.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[3.5] Đối với ý kiến của bị đơn bà Hồ Thị Ngọc D về việc được trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ: Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thiện Á không đồng ý, nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên HĐXX chấp nhận

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thiện Á.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Hồ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 150.000.000 = 7.500.000$ đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thiện Á đối với bà Hồ Thị Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Hồ Thị Ngọc D phải thanh toán cho bà Lê Thị Thiện Á số tiền nợ là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hồ Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Lê Thị Thiện Á được miễn tạm ứng án phí, án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Tuyên

